

CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



DNURENCO



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

---

2022





# MỤC LỤC

05

## PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Rủi ro

23

## PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

43

## PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai  
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán  
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

57

## PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

63

## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,  
Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

75

## PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022



# 1

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	06
Quá trình hình thành và phát triển	08
Các thành tích trong quá trình hoạt động	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	13
Định hướng phát triển	16
Các rủi ro	18

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



### Tên Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



### Tên Tiếng Anh

DANANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY



### Tên viết tắt

DNURENCO



### Vốn điều lệ

57.736.000.000 đồng



### Vốn đầu tư chủ sở hữu

57.736.000.000 đồng



### Trụ sở chính

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu,  
Thành phố Đà Nẵng



### Số điện thoại

(0236) 3622 007



### Fax

(0236) 3642 423



### Email

ctmtdt@danang.gov.vn



### Website

[www.moitruongdothidanang.com.vn](http://www.moitruongdothidanang.com.vn)



### Mã cổ phiếu

DNE



### Giấy CN ĐKDN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400228640 do  
Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày  
24/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/12/2018

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm	Sự kiện
1975	Công ty Vệ sinh Đà Nẵng, tiền thân của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, được thành lập từ việc tiếp quản Ty Vệ sinh của chế độ cũ.
1985	Công ty trực thuộc thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
1992	03 đơn vị Xí nghiệp Công trình Đô thị, Xí nghiệp Điện Chiếu sáng và Công ty Vệ sinh Đà Nẵng sáp nhập thành Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng.
1993	Tiến hành tách 03 Xí nghiệp của Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng như cũ và Công ty đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị thành phố Đà Nẵng, trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
1997	Do chia tách tỉnh, Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Giao thông Công chính TP. Đà Nẵng.
2008	Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.
2010	Công ty chuyển thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 3950/QĐ-UB ngày 26/05/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy CNĐKDN số 0400228640 lần đầu ngày 24/06/2010.
2015	Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015.

Năm	Sự kiện
2016	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.
2017	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng chính thức giao dịch trên sàn UPCoM với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.400 đồng/cổ phiếu.
2018	Ngày 05/12/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do đối với 13.200 cổ phiếu DNE của 22 cổ đông theo đề nghị của Công ty tại công văn số 786/MTĐT-TCHC ngày 30/11/2018; Doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 ngày 12/12/2018.
2019	Ngày 15/11/2019, hợp tác giữa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM và Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (DNurenco) để đầu tư hệ thống thiết bị xử lý đốt với công suất 600 kg/giờ (chia làm hai giai đoạn, mỗi giai đoạn 300 kg/giờ).
2020	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã tăng 3,43 lần so với năm 2015 khi Công ty vừa mới Cổ phần hóa.
2021	Tiếp tục tận dụng bề dày lịch sử hơn 45 năm phát triển của Công ty và sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh và không ngừng đảm bảo chất lượng dịch vụ của mình.
2022	Thành lập Chi nhánh Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường.

## CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT

<b>Năm 2001</b>	18/01	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2000” Quyết định số 232/QĐ-BGTVT.
	25/04	Bằng khen của Bộ trưởng - Trưởng ban chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo QĐ số: 02/2001/BCĐ-QĐ.
	28/05	Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương lao động hạng nhất” Quyết định số 424/2001/QĐ/CTN.
<b>Năm 2002</b>	27/12	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã có thành tích tốt trong phong trào quần chúng Bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2001” Quyết định số 8334/QĐ-UB.
	04/01	Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2001 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số 25-QĐ/QU.
<b>Năm 2003</b>	15/01	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2001” Quyết định số 138/QĐ-BGTVT.
	15/01	Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2002 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số 56-QĐ/QU; Cờ Thi đua của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam theo QĐ số: 173/QĐ-TLĐ.
	13/02	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002” Quyết định số 351/QĐ-BGTVT.
<b>Năm 2004</b>	02/03	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã hoàn thành tốt công tác vệ sinh đô thị phục vụ các ngày lễ lớn trong năm 2003” Quyết định số 1518/QĐ-UB.
	20/07	Bằng khen của Liên Đoàn Lao Động Thành phố Đà Nẵng theo QĐ số: 71/QĐLĐLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/07/1929 - 28/07/2004).
	27/11	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã có thành tích tốt trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị năm 2003” Quyết định số 581/QĐ-UB.
<b>Năm 2006</b>	05/01	Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo QĐ số: 33/QĐ-TLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2005.
	31/03	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã thực hiện tốt kế hoạch vệ sinh môi trường đô thị phục vụ Tết Bính Tuất năm 2006” theo Quyết định số 1518/QĐ-UB.
	11/05	Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng giải thưởng Môi trường năm 2006, Quyết định số 641/QĐ-BTNMT.
<b>Năm 2007</b>	12/01	Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2006 của Quận uỷ Hải Châu

<b>Năm 2008</b>	07/01	Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2007 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số:1107-QĐ/QU.
	20/03	Cờ thi đua Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng năm 2007 “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2007” theo Quyết định số 2436/ QĐ-UB.
<b>Năm 2009</b>	30/03	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2008” theo Quyết định số 2360/QĐ-UB; Ngày 28/05/2009, Thủ Tướng Chính phủ tặng thưởng “Cờ thi đua Chính phủ năm 2008” Quyết định số 684/QĐ-TTg.
	22/12	Đảng bộ đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2009 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số: 2575 -QĐ/QU.
<b>Năm 2010</b>	22/01	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2009” theo Quyết định số 626/QĐ-UB.
	14/04	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi 5 năm (2005-2010)” theo Quyết định số 2988/QĐUB.
	31/08	Chủ tịch nước tặng thưởng “ Huân chương Độc lập hạng ba ” quyết định số 1460/QĐ/CTN.
<b>Năm 2017</b>	20/11	Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác chuẩn bị, phối hợp tổ chức và phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC Việt Nam 2017 tại TP Đà Nẵng.
	22/12	Công an TP Đà Nẵng tặng Giấy khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2017.
<b>Năm 2021</b>	23/12	Công an TP Đà Nẵng tặng Giấy khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2021.
<b>Năm 2022</b>	12/04	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tại QĐ số 439/QĐ-TTg ngày 12/04/2022 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác và các hoạt động phòng chống dịch Covid-19.
	05/12	Bằng khen UBND thành phố Đà Nẵng tại QĐ 3135/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả của bão số 4, bão số 5 năm 2022 và mưa lũ lớn sau bão xảy ra trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
	10/10	Bằng khen UBND thành phố Đà Nẵng tại QĐ 2659/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 vì đã có thành tích xuất sắc trong chăm lo đời sống người lao động, được LĐLĐ thành phố tôn vinh “Doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống người lao động” năm 2022.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu
- Thu gom rác thải độc hại
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường
- Xử lý và tiêu hủy rác không độc hại
- Xử lý và tiêu hủy rác độc hại
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông và ven biển
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Tái chế phế liệu
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

### Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thành phố Đà Nẵng, trong đó tập trung tại các tuyến đường, công viên, khu dân cư, khu công nghiệp. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, phong cảnh và vị trí địa lý thuận tiện, Đà Nẵng là thành phố đóng vai trò hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với thế mạnh là ngành du lịch. Điều này thúc đẩy nhu cầu về vệ sinh môi trường ở địa phương, từ đó hình thành động lực phát triển cho Công ty.

## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### Mô hình quản trị

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm:

**Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty.

**Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

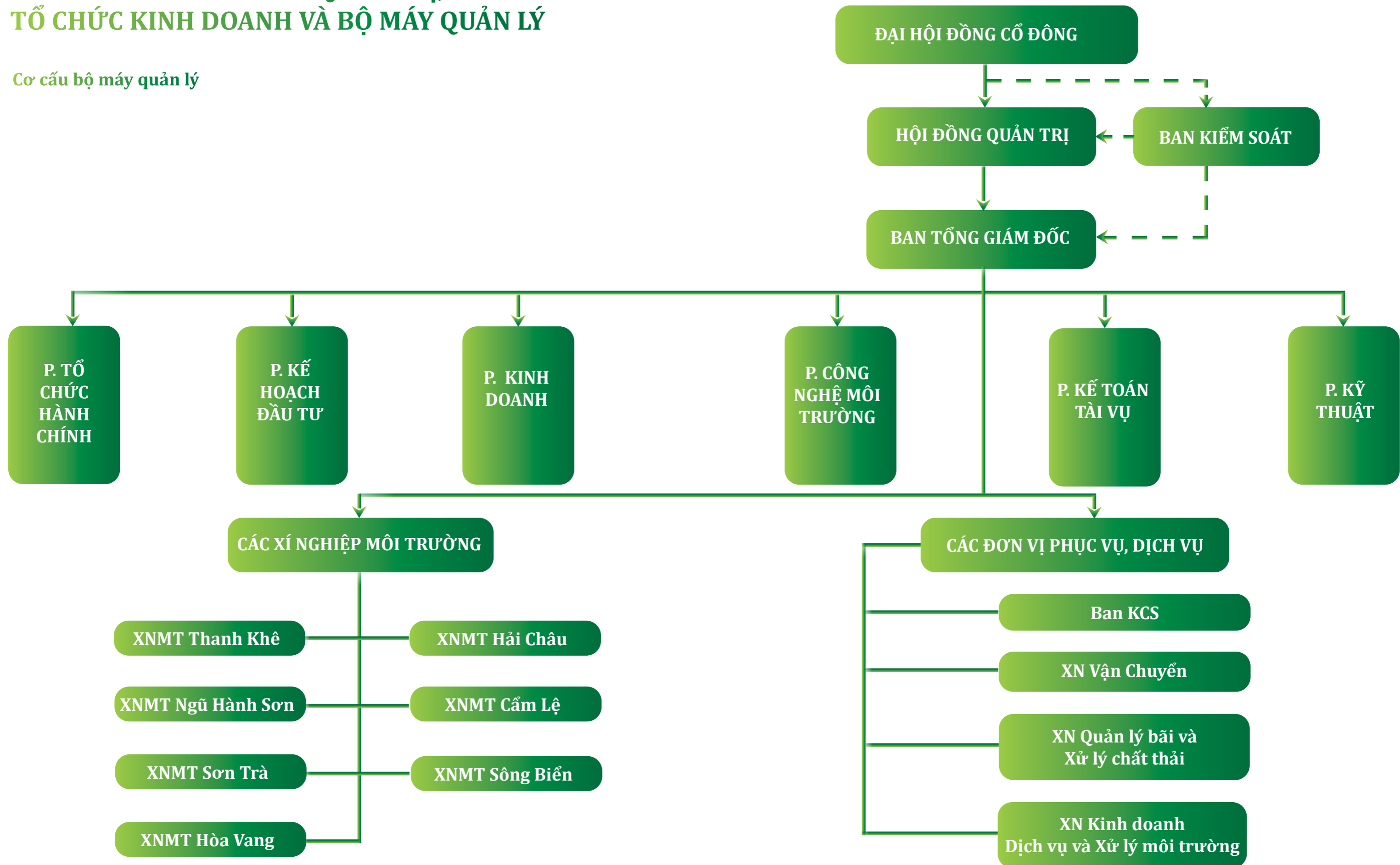
### Công ty con, công ty liên kết:

Không có



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

### Về hoạt động:

- Nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa các trang thiết bị cũng như hiệu quả thu gom và tái chế rác thải của Công ty.
- Tiếp tục thi công, xây dựng và cung cấp các trang thiết bị, hệ thống xử lý và tiêu hủy chất thải cho khách hàng.
- Duy trì và đảm bảo an ninh môi trường ở các địa bàn mà Công ty đảm nhận quản lý vận hành.
- Ngăn ngừa tối đa các sự cố môi trường có thể xảy ra, tránh ảnh hưởng đến các khu vực dân cư.
- Triển khai đầu tư các xây dựng các Khu xử lý chất thải nguy hại mới nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.

### Về lợi nhuận:

- Đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm.
- Phấn đấu để doanh thu loại hình dịch vụ các năm tiếp theo chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu toàn Công ty.
- Phấn đấu lợi nhuận hằng năm chi trả cổ tức đạt tối thiểu 8%/năm.
- Đặt mục tiêu doanh thu năm 2025 đạt 300 tỷ đồng.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tận dụng ưu thế khi được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, từ đó đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ đạo đồng thời vẫn đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.
- Giữ vững thị trường đang ổn định ở địa bàn thành phố Đà Nẵng và nghiên cứu chuyển hướng phát triển thị trường sang các tỉnh lân cận, trong đó tập trung vào mảng thu gom chất thải nguy hại, tái chế chất thải, tư vấn thiết kế các công trình liên quan tới môi trường.
- Có kế hoạch đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ cho phương tiện vận tải, đầu tư tin học hóa trong công tác quản lý, thu gom và vận chuyển rác thải.



## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty xác định, để có thể phát triển bền vững, lâu dài, Công ty cần có những sự cố gắng hơn nữa trong công tác giữ gìn môi trường đô thị xanh sạch đẹp, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người dân về cảnh quan môi trường đô thị. Bên cạnh đó, Công ty hướng đến việc cải tiến phương tiện, máy móc, trang thiết bị để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được diễn ra linh hoạt, chuyên nghiệp, không để tình trạng ùn ứ rác thải trong địa bàn, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân địa phương..



# CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Ngành xử lý, thu gom rác thải và dịch vụ môi trường công cộng gắn liền với hoạt động đô thị hóa, khi kinh tế tăng trưởng sẽ kéo theo hoạt động đô thị hóa diễn ra sôi nổi. Từ đó, có tác động tích cực đến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ môi trường công ích nói chung và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng nói riêng. Ngược lại, nếu nền kinh tế trì trệ, kém tăng trưởng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong 10 năm gần đây tốc độ tăng trưởng sản phẩm quốc nội – GDP của nước ta luôn tăng đều và ổn định. Ngoại trừ 2 năm do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, thì tốc độ tăng trưởng GDP luôn duy trì khoảng 7% với trung bình trong 10 năm gần nhất đạt 6,09%. Trong năm 2022, theo Tổng cục thống kê GDP nước ta tăng trưởng 8,02% so với năm trước, đây là mức tăng trưởng kỷ lục trong một thập kỷ qua. Đặc biệt, tại địa bàn Công ty hoạt động – Thành phố Đà Nẵng có tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) cả năm 2022 tăng 14,05% so với năm 2021. Hưởng lợi từ nền kinh tế chung luôn duy trì tăng trưởng đều hằng năm và tăng trưởng hai con số tại Thành phố Đà Nẵng – địa bàn hoạt động, DNE cũng ghi nhận doanh thu 2022 tăng ... . Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn chủ động theo dõi và đánh giá tình hình nền kinh tế chung, để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2013-2022



Nguồn: World bank, Tổng cục thống kê

## Rủi ro chi phí nhân công

Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng chịu sự chi phối của Nhà nước. Các dịch vụ đầu ra như thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của Công ty đều do Nhà nước quy định mức giá. Do đó, rủi ro mà Công ty đang gặp phải là giá đầu ra không đổi hoặc thay đổi chậm nhưng giá đầu vào diễn biến tăng cao. Với bối cảnh hiện tại mức lương của người lao động ngày một tăng cao, rủi ro lạm phát luôn tiềm ẩn; do đó, chi phí đầu vào của Công ty sẽ tăng lên đáng kể trong khi giá đầu ra thì có độ trễ - do Nhà nước quy định, đã tác động đến lợi nhuận hoạt động kinh doanh.

Để ứng phó với rủi ro trên, Công ty đã đề ra các phương án, kế hoạch phù hợp để theo dõi biến động giá cả trên thị trường, nâng cao năng suất lao động và tối ưu hóa bộ máy quản lý vận hành. Ngoài ra, Công ty đã đa dạng hóa các dịch vụ của mình nhằm tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro giá cả.



## Rủi ro pháp luật

Mọi doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải đối diện với rủi ro pháp luật. Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng cũng chịu tác động của nhiều văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên và Bảo vệ môi trường. Hiện các văn bản này vẫn ngày một hoàn thiện và đang được sửa chữa, bổ sung đã gây nên khó khăn cho Công ty trong việc áp dụng và tuân thủ các quy định.

Tuy nhiên, Công ty luôn nghiên cứu, tìm hiểu và theo dõi những sửa đổi, bổ sung của các văn bản pháp lý để thích nghi và thay đổi chiến lược kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Chính phủ cũng đang nỗ lực cải thiện hệ thống pháp luật, giảm thiểu quy trình và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp luật cho Công ty.



# CÁC RỦI RO

## Rủi ro thiên tai

Đà Nẵng thuộc địa phận miền Trung, nơi thường xuyên chịu tác động của thiên nhiên như bão, lũ, ... những hiện tượng tự nhiên này khi xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh trong xã hội và hoạt động kinh doanh của DNE cũng không ngoại lệ. Trong năm 2022, theo Trung tâm chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai ghi nhận có 7 cơn bão và 2 cơn áp thấp nhiệt đới, trong đó có 4 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền gồm số 1, 3, 4 và 5. Đáng chú ý, cơn

bão số 5 kết hợp với không khí lạnh đã gây nên một đợt mưa lớn từ ngày 14-16/10/2022, tại Đà Nẵng ghi nhận lượng mưa lịch sử vào ngày 14/10 với hệ quả là cả thành phố ngập sâu trong biển nước. Các thiên tai này đã tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty khi gây cản trở đến công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

Ngập lụt tại Đà Nẵng ngày 14/10/2022



Để giảm thiểu thiệt hại lớn nhất và có sự chuẩn bị chu đáo, Công ty luôn chủ động theo dõi thường xuyên diễn biến lũ lụt, mưa bão để có những biện pháp phòng ngừa bảo vệ người và tài sản. Công ty cũng đã có những phương án dự phòng, chủ động thích nghi, nâng cao khả năng ứng phó, giảm thiểu rủi ro thiên tai gây ra.

## Rủi ro tín dụng thương mại

Rủi ro tín dụng thương mại xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Các khách hàng chính của Công ty đến từ số đông người dân, doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng dịch vụ.

Tuy nhiên, do tính thiết yếu của dịch vụ nên tiền dịch vụ các khách hàng này được thanh toán kịp thời, đầy đủ; các khách hàng là Cơ quan Nhà nước (như: Sở Tài nguyên & Môi trường và các Quận, Huyện, Thành phố) thanh toán gối đầu bằng nguồn vốn Ngân sách. Ngoài ra đối với các khách hàng khác (thu gom chất thải công nghiệp, xử lý bùn,...), Công ty thường tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính, có hợp đồng ràng buộc chặt chẽ về tiến độ thanh toán gắn với khối lượng công việc thực hiện. Công ty luôn chủ động theo dõi, đối chiếu thông tin về công nợ để kịp thời đôn đốc, triển khai các biện pháp thu nợ thích hợp.



## Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên còn có một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn có thể gây ảnh hưởng đến tài sản và con người của Công ty. Đây là rủi ro ít khi xảy ra nhưng một khi xảy ra thì tác động là rất lớn, đặc biệt địa bàn hoạt động của Công ty là ở miền Trung, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai, bão lũ.

Để phòng ngừa rủi ro này Công ty đã ký các hợp đồng bảo hiểm tài sản và con người để hạn chế đến mức thấp nhất các tổn thất có thể xảy ra.



## 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	24
Tổ chức nhân sự	26
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	33
Tình hình tài chính	34
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	38
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội	40

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Thay đổi 2022/2021
1	Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	85.390	91.856	7,57%
2	Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước	128.849	119.347	-7,37%
3	Doanh thu dịch vụ thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý bùn...	40.270	28.812	-28,45%
4	Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	70	35	-50,34%
<b>Tổng doanh thu</b>		<b>254.579</b>	<b>240.050</b>	<b>-5,71%</b>

Trong năm 2022, hoạt động kinh doanh của Công ty đã quay trở lại bình thường sau giai đoạn dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 đến hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Doanh thu năm 2022 ghi nhận đạt 240.050 triệu đồng giảm 5,71% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do các đơn đặt hàng từ các cơ sở y tế không còn nhiều như năm 2021 – giai đoạn dịch Covid 19 diễn ra, cụ thể là doanh thu mảng này đã giảm 28,45% so với năm trước, ghi nhận giá trị 28.812 triệu đồng. Về mảng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt ghi nhận tăng 7,57% so với năm trước, đạt 91.856 triệu đồng; mảng thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước vẫn duy trì chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu, đạt giá trị 119.347 triệu đồng giảm 7,37%.

## Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Thay đổi 2022/2021
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.976	45.098	32,74%
2	Chi phí nhân công	135.500	125.000	-7,75%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.602	9.914	-6,49%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.058	52.377	-14,22%
5	Chi phí khác bằng tiền	2.058	3.119	51,55%
<b>Tổng chi phí</b>		<b>243.194</b>	<b>235.507</b>	<b>-3,16%</b>



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách thành viên Ban điều hành

Cổ phiếu sở hữu tính tại ngày 24/08/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu		Tỷ lệ sở hữu	
			Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
1	Ông Võ Minh Đức	Tổng Giám đốc	3.900	981.512	0,068%	17,00%
2	Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	3.300	981.512	0,057%	17,00%
4	Ông Nguyễn Đăng Huy	Phó Tổng Giám đốc	2.700	-	0,046%	-
5	Ông Diệp Nguyễn Thế Quang	Phụ trách Kế toán	2.900	-	0,05%	-

## Danh sách thay đổi thành viên Ban điều hành trong năm 2022

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2018	30/04/2022
Ông Nguyễn Đăng Huy	Phó Tổng Giám đốc	17/06/2022	

## Lý lịch Ban Điều hành

### ÔNG VÕ MINH ĐỨC Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 14/06/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Địa chỉ: 206 Trưng Nữ Vương, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

#### Quá trình công tác:

- 09/1995 - 04/2002: Công tác tại phòng Kế toán Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 05/2002 - 04/2005: Đội trưởng Đội Môi trường số 2, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 05/2005 - 07/2005: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 08/2005 - 12/2005: Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 01/2006 - 06/2006: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê
- 07/2006 - 06/2011: Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê
- 07/2011 - 09/2015: Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 10/2015 - 11/2018: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 12/2018 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện cho UBND Thành phố Đà Nẵng: 981.512 cổ phần (17,000% VDL)
- Cá nhân sở hữu: 3.900 cổ phần (0,068% VDL)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Lý lịch Ban Điều hành

### BÀ VÕ THỊ HUỲNH TRANG Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 02/08/1975

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ

**Địa chỉ:** 18/51 Ông Ích Khiêm, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

#### Quá trình công tác:

- 1998 - 2001: Phó Văn phòng hướng dẫn tham quan du lịch Hội An
- 2002 - 2003: Nhân viên kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- 2004 - 2005: Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- 2006 – 07/2012: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- 08/2012 - 2015: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Môi trường Việt Nam
- 10/2015 – 27/6/2019: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 10/07/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

### BÀ HOÀNG THỊ NGỌC HIẾU Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 19/12/1979

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Sinh thái học

**Địa chỉ:** 38 Phạm Nhữ Tăng, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

#### Quá trình công tác:

- 01/2002 - 09/2007: Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 10/2007 - 06/2008: Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công ty
- 07/2008 - 10/2010: Phó trưởng phòng Công nghệ Môi trường Công ty
- 11/2010 - 06/2012: Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư và Phát triển kỹ nghệ môi trường Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 07/2012 - 03/2015: Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư và Phát triển kỹ nghệ môi trường
- 12/2015 - 06/2021: Trưởng phòng Công nghệ Môi trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 06/2021 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện cho UBND Thành phố Đà Nẵng: 981.512 cổ phần (17,000% VDL)

- Cá nhân sở hữu: 3.300 cổ phần (0,057% VDL)

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Lý lịch Ban Điều hành

### ÔNG NGUYỄN ĐĂNG HUY Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 01/7/1983

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Sinh – Môi trường

**Địa chỉ:** K16/20H Ngô Gia Tự, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng

#### Quá trình công tác:

- 16/07/2022 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Môi trường Đô Thị Đà Nẵng.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:..**

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 2.700 cổ phần (0,046% VDL)

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

### ÔNG DIỆP NGUYỄN THẾ QUANG Phụ trách Kế toán

**Ngày sinh:** 14/09/1975

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế ngành Kế toán

**Địa chỉ:** K112/3 Đường Phạm Như Tăng, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

#### Quá trình công tác:

- 01/04/2003 - 30/09/2005: Kế toán viên Nhà phân phối Công ty TNHH Happy Cook tại Đà Nẵng
- 01/10/2005 - 15/07/2009: Kế toán Xí nghiệp Môi trường Sông Biển Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 16/07/2009 - 30/11/2019: Nhân viên kế toán Phòng Kế toán Tài vụ CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 01/12/2019 - 10/06/2021: Phó trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- 11/06/2021 - nay: Phụ trách phòng Kế toán Tài vụ, Phụ trách Kế toán CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 2.900 cổ phần (0,050% VDL)

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>1.131</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	157	13,88%
2	Trình độ cao đẳng	5	0,44%
3	Trình độ trung cấp	33	2,92%
4	Công nhân kỹ thuật	79	6,98%
5	Lao động phổ thông	857	75,77%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>1.131</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	948	83,82%
3	Hợp đồng xác định từ 1- 3 năm	183	16,18%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>1.131</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	607	53,67%
2	Nữ	524	46,33%

## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	1.301	1.299	1.284	1.131
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	7,2	7,5	6,8	6,8

## Chính sách đối với người lao động

### Về đào tạo:

Công tác đào tạo nhân viên mới được Công ty chuẩn bị chu đáo và bài bản. Chương trình đào tạo nội bộ được tổ chức định kỳ để cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ của nhân viên. Ngoài ra, các cán bộ chủ chốt được cử đi tham dự các khóa đào tạo về quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính. Chủ trương của Công ty là đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của CBCNV. Các buổi hội thảo, trò chuyện được các phòng ban tổ chức định kỳ nhằm trao đổi kinh nghiệm làm việc, giải quyết những khó khăn nhân viên gặp phải trong hoạt động chuyên môn.

### Về tuyển dụng:

Công ty ưu tiên tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn, yêu thích, chủ động và phù hợp với vị trí tuyển dụng. Việc tuyển dụng được thông báo công khai và luôn đảm bảo tính công bằng, bình đẳng cho mọi ứng viên. Công ty tạo điều kiện cho tất cả cán bộ nhân viên làm việc một cách hiệu quả nhất, phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty.

### Môi trường công việc:

Văn phòng, môi trường làm việc được Công ty chú trọng, trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ cần thiết phục vụ cho công việc. Lãnh đạo Công ty luôn sâu sát, khích lệ nhân viên hoàn thành công việc đúng tiến độ, mang lại hiệu quả cao. Người lao động làm việc bên ngoài Công ty, trực tiếp thu gom rác thải sẽ được Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

Công ty đảm bảo trả lương đúng, đủ và đảm bảo mức lương tối thiểu vùng, ngoài ra, chính sách khen thưởng thêm được thực hiện định kỳ đối với toàn cán bộ công nhân viên và thưởng đột xuất đối với cá nhân, phòng ban có thành tích tốt vượt bậc. Ngoài thưởng đột xuất, Công ty còn tiến hành biểu dương đóng góp của người lao động đối với cá nhân có sáng kiến mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Những chính sách này nhằm khuyến khích và động viên, cải thiện tinh thần làm việc của người lao động.

Hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty cam kết chi trả đúng theo quy định. Công ty chăm lo cho sức khỏe của người lao động bằng cách mua bảo hiểm tai nạn lao động cho toàn bộ nhân viên, định kỳ tổ chức khám sức khỏe tổng quát. Bên cạnh đó, Công ty còn cho người lao động đi nghỉ mát, du lịch mỗi năm 1 lần. Công ty còn trích quỹ công đoàn để trợ cấp cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi khi người lao động ốm đau.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Không có



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Thay đổi 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	157.091	150.883	-3,95%
Doanh thu thuần	254.579	240.049	-5,71%
Giá vốn hàng bán	230.220	220.711	-4,13%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	12.284	6.234	-49,25%
Lợi nhuận khác	-222	530	-
Lợi nhuận trước thuế	12.062	6.764	-43,92%
Lợi nhuận sau thuế	10.734	5.892	-45,11%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8,50%	7%	-



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

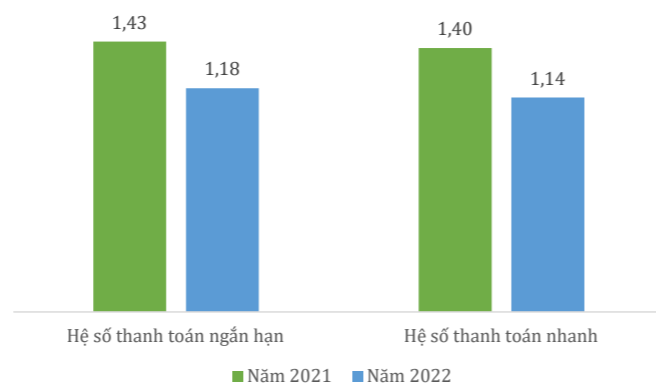
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,43	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,40	1,14
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	51,28	50,19
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	105,26	100,78
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	117,56	79,89
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,62	1,56
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,22	2,45
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,14	7,77
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,81	3,83
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,83	2,60

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2022 đạt 1,18 lần giảm so với mức 1,43 lần năm 2021. Nguyên nhân đến từ lượng tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 3 tháng giảm mạnh, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư thêm 15 xe rác nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, do đó lượng tiền và tương đương tiền của Công ty giảm đáng kể.

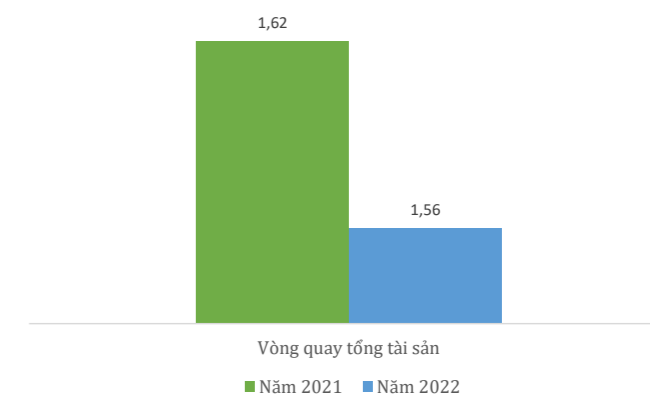
Về chỉ số thanh toán nhanh của Công ty cũng thay đổi tương tự như chỉ số thanh toán ngắn hạn, do đặc thù kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nên hàng tồn kho chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.



## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Đặc thù kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ, vì vậy hàng tồn kho chỉ chiếm một lượng rất nhỏ trong cơ cấu tài sản. Năm 2022, hệ số này ghi nhận đạt 79,89 vòng giảm so với mức 117,56 vòng năm trước. Nguyên nhân đến từ doanh thu trong năm của Công ty giảm kéo theo giá vốn hàng bán giảm tương ứng, cùng với đó khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong hàng tồn kho của Công ty tăng mạnh.

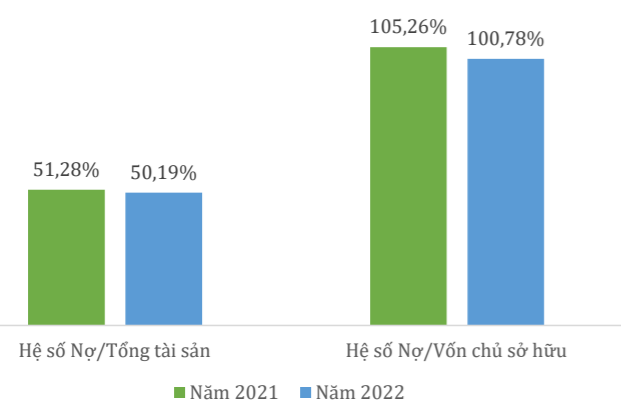
Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid 19 đã ít tác động hơn so với năm 2021, điều này kéo theo các đơn đặt hàng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải từ các tổ chức y tế giảm đi, gây ra sự sụt giảm trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, vòng quay tổng tài sản của Công ty ghi nhận giảm từ mức 1,62 vòng vào năm 2021 xuống còn 1,56 vòng.



## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2022 đạt 1,18 lần giảm so với mức 1,43 lần năm 2021. Nguyên nhân đến từ lượng tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 3 tháng giảm mạnh, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư thêm 15 xe rác nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, do đó lượng tiền và tương đương tiền của Công ty giảm đáng kể.

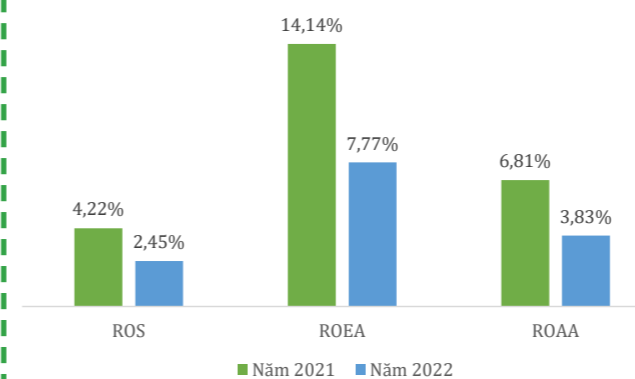
Về chỉ số thanh toán nhanh của Công ty cũng thay đổi tương tự như chỉ số thanh toán ngắn hạn, do đặc thù kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nên hàng tồn kho chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.



## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Do đặc thù ngành dịch vụ với chi phí cố định chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí, do đó khi có sự sụt giảm trong doanh thu sẽ ảnh hưởng ngay đến lợi nhuận của Công ty. Do đó, khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2022 đều giảm so với năm 2021, cụ thể như sau:

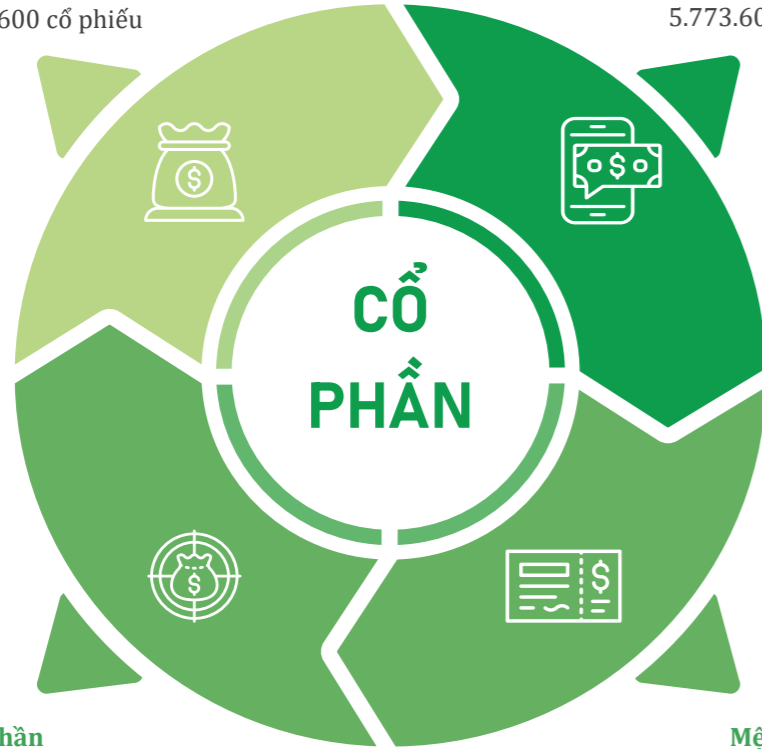
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) giảm từ mức 4,22% còn 2,45%;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA) giảm từ mức 14,14% còn 7,77%;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA) giảm từ mức 4,83% còn 3,83%;
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm từ mức 0,96% còn 2,60%.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phiếu đã phát hành  
5.773.600 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
5.773.600 cổ



Loại cổ phần  
Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần  
10.000 đồng/ cổ phiếu

## Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 24/08/2022

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	1	2944536	29.445	51,00%
II	Cổ đông trong nước	896	5706100	57.061	98,83%
1	Cá nhân	892	1984077	19.841	34,36%
2	Tổ chức	4	3722023	37.220	64,47%
III	Cổ đông nước ngoài	7	67500	675	1,17%
1	Cá nhân	5	22500	225	0,39%
2	Tổ chức	2	45000	450	0,78%
<b>Tổng cộng (II+III)</b>		<b>903</b>	<b>5.773.600</b>	<b>57.736</b>	<b>100,00%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

## Danh sách cổ đông lớn

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	UBND Thành phố Đà Nẵng	2.944.536	51,00%
2	Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam	771.987	13,37%
3	Nguyễn Văn Tuấn	391.406	6,78%
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.107.929</b>	<b>71.15%</b>



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Tác động lên môi trường

Khí thải nhà kính trực tiếp gây ra biến đổi khí hậu toàn cầu, khiến thời tiết ngày càng khắc nghiệt, nhiệt độ Trái Đất tăng lên, băng tan và nước biển dâng cao, gây lũ lụt và đe dọa môi trường sống của con người. Lượng khí nhà kính chủ yếu xuất phát từ đốt cháy nhiên liệu hóa thạch, cháy rừng và hoạt động sinh hoạt, sản xuất của con người, làm thay đổi sự cân bằng của môi trường và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, bao gồm cả các bệnh dịch, bệnh truyền nhiễm dễ bùng phát và lan truyền nhanh hơn.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường và xử lý rác thải,

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty chú trọng đến việc sử dụng các trang thiết bị chất lượng cao và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của Nhà nước. Điều này giúp DNE sẽ không gặp phải các sự cố không mong muốn và rủi ro an toàn trong quá trình sử dụng các thiết bị này.

Trong năm, lượng chế phẩm sinh học khử mùi L2100 CHV Công ty đã sử dụng cho quá trình xử lý rác thải là 6.300 lít.

Các vật tư và thiết bị như thiết bị xe chuyên dùng và thiết bị điện được sản xuất trong nước, không chỉ giúp cho Công ty giảm thiểu chi phí vận chuyển mà còn đóng góp tích cực cho kinh tế trong nước. Đồng thời, việc sử dụng các sản phẩm trong nước còn giúp cho Công ty đảm bảo rằng chúng đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn do Nhà nước quy định.

DNE cũng tập trung vào việc bảo quản và sử dụng trang thiết bị bền vững và hiệu quả nhất. Các trang thiết bị được kiểm tra thường xuyên và bảo trì để đảm bảo chúng hoạt động đúng cách và không gặp phải các vấn đề hư hỏng không cần thiết.

Đối với những công việc đòi hỏi kỹ thuật cao và trang thiết bị thường xuyên bị hao mòn, Công ty luôn khuyến khích tất cả nhân viên sử dụng các công cụ và thiết bị này hiệu quả nhất. Việc này không chỉ giúp cho Công ty tiết kiệm chi phí mà còn giúp cho hoạt động kinh doanh và năng suất lao động hiệu quả hơn.

Hơn nữa, DNE còn khuyến khích cán bộ công nhân viên đóng góp các sáng kiến sửa chữa tái sử dụng, tái chế các công cụ, dụng cụ, và thiết bị đã hỏng để giảm thiểu phát thải ra môi trường và giúp tiết kiệm chi phí. Việc này không chỉ tạo ra sự cảm giác tự hào cho nhân viên trong việc đóng góp vào bảo vệ môi trường mà còn giúp cho Công ty tiết kiệm được chi phí và tăng thêm lợi nhuận.

chúng tôi luôn nhận thức rõ ràng về tác động của môi trường đến cuộc sống con người và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Công ty cam kết đảm bảo trách nhiệm với môi trường trong mọi hoạt động xử lý, vận chuyển rác thải, bao gồm việc duy trì môi trường làm việc và môi trường sống của cộng đồng xung quanh. Chúng tôi luôn thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bao gồm sử dụng nhiên liệu sinh học và áp dụng tiêu chuẩn phát thải mới và hiện đại hóa các máy móc, phương tiện sử dụng của Công ty.



## Tiêu thụ năng lượng và nước

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị sử dụng trong năm
<b>Tổng lượng năng lượng tiêu thụ</b>	kwh	253.147
<b>Tổng lượng nước sử dụng</b>	m <sup>3</sup>	24.021

Công ty đã được UBND Đà Nẵng phê duyệt thực hiện việc quản lý và vận hành hệ thống chiếu sáng trên địa bàn toàn Thành phố. Vì vậy, Công ty đã lập kế hoạch tiết giảm hợp lý cho từng khu vực và thời gian, nhằm đảm bảo an toàn cho người dân và mỹ quan đô thị, đồng thời giảm chi phí từ ngân sách địa phương. DNE đã có nhiều hoạt động tiết kiệm năng lượng trong nhiều năm qua, với hiệu quả đạt được rất tốt. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn khuyến khích cán bộ và người lao động có ý thức và trách nhiệm sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng. Công ty cũng đầu tư lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu thụ ít năng lượng, thay thế dần cho các thiết bị lạc hậu và kém hiệu quả. Ví dụ như việc chuyển đổi từ bóng đèn truyền thống sang bóng đèn LED trong hệ thống chiếu sáng Thành phố đã giúp giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất và chất lượng chiếu sáng.

Công ty sử dụng các nguồn tài nguyên nước như nước máy, ao hồ và nước giếng trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của người lao động. Tuy nhiên, Công ty luôn quan tâm đến việc tiết kiệm nước và tránh lãng phí tài nguyên trong quá trình hoạt động của mình. Hiện nay, môi trường và tài nguyên đang là vấn đề được toàn cầu và Việt Nam đặc biệt quan tâm. Do đó, Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm nước và khuyến khích nhân viên sử dụng nguồn nước một cách hợp lý, tránh lãng phí. Công ty cũng thường xuyên kiểm tra rò rỉ đường ống nước và nhắc nhở nhân viên sử dụng lượng nước cần thiết, tối ưu công suất hoạt động tưới tiêu.

## Chính sách liên quan đến người lao động

Năm 2022, số lượng lao động bình quân là 1.131 người, thu nhập bình quân đạt 6,8 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong việc ký kết hợp đồng lao động, bao gồm trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Lao động. Ngoài ra, DNE còn đảm bảo việc trả lương đúng thời hạn, phù hợp với năng suất lao động và thưởng cho các cá nhân, phòng ban có đóng góp quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và lý tưởng cho người lao động, đảm bảo họ có điều kiện phát triển sự nghiệp và đạt được mục tiêu cá nhân. Người lao động cũng được nghỉ lễ Quốc tế Lao động, Quốc khánh theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi và nhu cầu giải trí, nghỉ ngơi của họ được đáp ứng đầy đủ.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong phạm vi hoạt động của Công ty, chỉ được thực hiện thu gom các chất thải nguy hại và quản lý chất thải rắn thông thường, sau đó chuyển chúng đến nơi tập kết của Thành phố để xử lý. DNE luôn tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và đảm bảo hoàn toàn tuân thủ quy trình. Nếu phát hiện vi phạm pháp luật về môi trường, như các cơ sở không tuân thủ quy định, Công ty sẽ báo cáo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền để xử lý. Công ty đã không vi phạm bất kỳ điều gì về pháp luật và các quy định về môi trường trong năm.





# 3

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	44
Tình hình tài chính	46
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	50
Kế hoạch phát triển trong tương lai	51
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	52
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	54

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2022/Năm 2021
Doanh thu thuần	254.579	240.049	94,29%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.062	6.764	56,08%
Lợi nhuận sau thuế	10.734	5.892	54,89%

Năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không mấy thuận lợi khi doanh thu thuần ghi nhận giảm 5,71% so với năm 2021, nguyên nhân đến từ sự sụt giảm mạnh các đơn đặt hàng thu gom rác thải y tế, công nghiệp và xử lý bùn. Lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 6.764 và 5.892 triệu đồng giảm so với năm 2021. Cụ thể, trong năm 2022, Công ty đã gặp những thuận lợi và khó khăn sau:

### Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo thành phố Đà Nẵng, đồng thời Công ty cũng duy trì được mối quan hệ tốt với các ban ngành địa phương, điều này khiến cho quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra thuận lợi hơn.
- Thành phố Đà Nẵng là trung tâm kinh tế miền Trung với tốc độ tăng trưởng GRDP 2022 đạt 14,05% so với năm trước. Đây là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển đặc biệt là ngành du lịch; đồng thời, nhận thức về các hoạt động bảo vệ môi trường của người dân và khách du lịch tại đây ngày càng được quan tâm và được chú trọng.
- Đội ngũ cán bộ của Công ty được duy trì ổn định. Toàn thể cán bộ công nhân viên với bề dày kinh nghiệm, có tinh thần đoàn kết cao và luôn có trách nhiệm trong công việc giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Công ty thực hiện đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ cung cấp ra thị trường như bán buôn thùng rác, chế phẩm sinh học,... để tạo thêm nhiều nguồn thu cho Công ty.

### Khó khăn

- Biến đổi khí hậu toàn cầu đã gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, khi trong năm mưa bão, lũ lụt tại Đà Nẵng đã tác động đến công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.
- Cơ sở hạ tầng không theo kịp với tốc độ tăng trưởng dân số đã tạo nên áp lực với khối lượng công việc cần thực hiện lớn. Đồng thời, gây sức ép lên môi trường khi tình trạng ô nhiễm công nghiệp ngày một gia tăng.
- Để đáp ứng công tác quản lý hiệu quả, Công ty cần đầu tư thêm các thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải dẫn đến chi phí mua sắm cho những tài sản này tăng lên. Tuy nhiên, Công ty sẽ thực hiện các chính sách kế toán, phân bổ khấu hao hợp lý.

## Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong năm 2022, Công ty đã đầu tư nâng cấp các thiết bị và phương tiện mới để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, như xe chở rác, xe ép rác và nhiều thiết bị khác. Những nâng cấp này giúp Công ty tăng cường hiệu quả vận hành, giảm thiểu thời gian và cải thiện chất lượng dịch vụ. Điều này đã giúp Công ty tăng cường độ tin cậy và đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng, từ đó tăng cường vị thế của Công ty trong ngành thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



## Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Thay đổi 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>99.217</b>	<b>63,16%</b>	<b>77.498</b>	<b>51,36%</b>	<b>-21,89%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.638	15,05%	13.755	9,12%	-41,81%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.359	7,87%	12.181	8,07%	-1,44%
Các khoản phải thu ngắn hạn	57.958	36,89%	44.574	29,54%	-23,09%
Hàng tồn kho	2.311	1,47%	3.214	2,13%	39,08%
Tài sản ngắn hạn khác	2.951	1,88%	3.774	2,50%	27,90%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>57.874</b>	<b>36,84%</b>	<b>73.385</b>	<b>48,64%</b>	<b>26,80%</b>
Phải thu dài hạn	1.417	0,90%	1.106	0,73%	-21,97%
Tài sản cố định	48.306	30,75%	49.260	32,65%	1,97%
Tài sản dở dang dài hạn	2.136	1,36%	17.863	11,84%	736,18%
Đầu tư tài chính dài hạn	46	0,03%	0	0,00%	-100,00%
Tài sản dài hạn khác	5.968	3,80%	5.156	3,42%	-13,60%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>157.091</b>	<b>100,00%</b>	<b>150.883</b>	<b>100,00%</b>	<b>-3,95%</b>

Tình hình tài sản của Công ty năm 2022 ghi nhận giảm nhẹ 3,95% so với cùng kỳ năm trước. Về cơ cấu tổng tài sản của Công ty có sự biến động trái chiều nhau khi tài sản ngắn hạn giảm mạnh 21,89% và chiếm 51,36% trong cơ cấu tổng tài sản, trong khi đó tài sản dài hạn tăng 26,80%, chiếm 48,64% trong cơ cấu tổng tài sản.

Đối với tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu là các khoản phải thu ngắn hạn của UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng và Sở Tài nguyên Môi trường Đà Nẵng. Về tài sản dài hạn, chiếm phần lớn bởi tài sản cố định là các phương tiện vận chuyển rác thải phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và tài sản dở dang dài hạn từ 15 xe rác mà Công ty đã thực hiện mua trong năm.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Nhà cửa, kiến trúc	80.383.611.819	13.559.895.628	16,87%
Máy móc, thiết bị	3.303.150.481	296.487.040	8,98%
Phương tiện vận tải	92.479.050.569	34.266.667.140	37,05%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.045.678.553	257.472.357	24,62%
<b>Cộng</b>	<b>177.211.491.422</b>	<b>48.380.522.165</b>	<b>27,30%</b>

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Phần mềm máy tính	1.136.220.000	879.541.486	77,41%





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Thay đổi 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
<b>Nợ ngắn hạn</b>	69.314	86,04%	65.415	86,37%	-5,62%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.685	14,51%	21.183	27,97%	81,29%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	463	0,58%	291	0,38%	-37,19%
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.251	6,52%	1.717	2,27%	-67,31%
Phải trả người lao động	14.845	18,43%	8.179	10,80%	-44,91%
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.188	11,41%	3.169	4,18%	-65,51%
Chi phí phải trả ngắn hạn	29.132	36,16%	31.761	41,94%	9,02%
Phải trả ngắn hạn khác	0	0,00%	304	0,40%	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-1.251	-1,55%	-1.189	-1,57%	-4,97%
<b>Nợ dài hạn</b>	11.243	13,96%	10.321	13,63%	-8,20%
Phải trả dài hạn khác	11.243	13,96%	7.483	9,88%	-33,44%
Phải trả dài hạn khác	0	0,00%	2.837	3,75%	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	80.557	100,00%	75.735	100,00%	-5,98%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm 86,37% đạt 65.415 triệu đồng, giảm nhẹ 5,62% so với năm 2021. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chiếm phần lớn bởi khoản phải trả ngắn hạn khác đến từ UBND Thành phố Đà Nẵng liên quan đến cổ phần hóa và giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư. Ngoài ra, nợ dài hạn của Công ty cũng ghi nhận giảm 8,20% so với năm trước, đạt 10.321 triệu đồng.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong những năm gần đây, Công ty đã thực hiện nhiều cải tiến trong cơ cấu tổ chức và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng tốt hơn với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức. Công ty đã thành lập một hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn để đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện các thay đổi trong cơ cấu tổ chức b. Các giải pháp thực hiện kế hoạch nhằm tăng cường khả năng đáp ứng và tối ưu hóa quy trình làm việc. DNE đã sáp nhập và dừng hoạt động một số bộ phận để tăng tính linh hoạt và đáp

ứng nhanh chóng với các yêu cầu khác nhau. Ngoài ra, Công ty cũng tăng cường đào tạo và phát triển nhân viên để giúp họ phát triển kỹ năng và trở thành những nhân viên có năng lực cao hơn trong công việc của mình.

Những cải tiến này đã giúp Công ty tăng cường hiệu quả hoạt động và đáp ứng tốt hơn với nhu cầu của khách hàng. DNE cam kết tiếp tục tìm kiếm các cải tiến khác để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường hiệu quả hoạt động và đáp ứng tốt hơn với nhu cầu của khách hàng, đồng thời mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng.

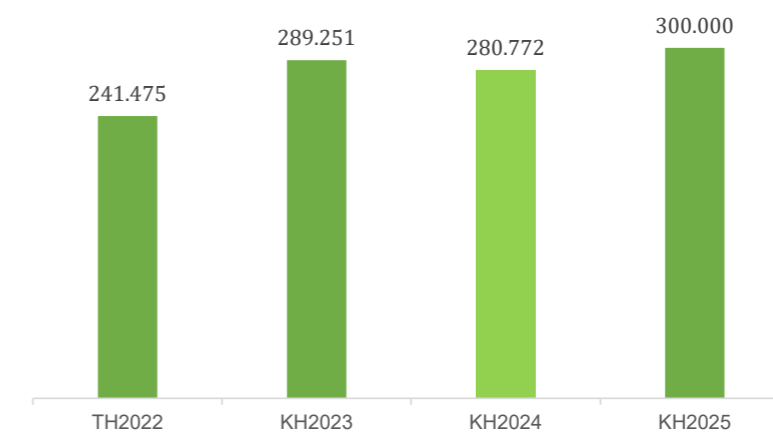


## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Kế hoạch kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	289.251	280.772	300.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.627	13.371	15.376
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	22.519	21.787	22.787
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	%	9	11	11

Kế Hoạch Tổng Doanh Thu 2023-2025



### Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- Tiếp tục định hướng phát triển Công ty theo chiến lược 2021-2025 như đã đề ra, bám sát mục tiêu kế hoạch trung và dài hạn lấy nguyên tắc dự báo rủi ro làm định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với môi trường kinh doanh và tối ưu hóa bộ máy quản lý.
- Công ty sẽ tiếp tục kiểm tra và hoàn thiện các Quy chế nội bộ cũng như cải tiến các quy trình và hình thức quản lý nhằm loại bỏ những khâu không còn phù hợp. DNE sẽ xây dựng và điều chỉnh các đơn giá, mô hình khoán, quy chế trả lương thưởng và các nội quy, quy chế khác của Công ty sao cho phù hợp với các quy định được ban hành mới nhất từ Nhà nước.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến tới giao khoán toàn bộ các Xí nghiệp dịch vụ môi trường.
- Tăng cường nghiên cứu và thực hiện cơ giới hóa phương tiện thu gom và vận chuyển rác để giảm dần việc sử dụng hình thức thủ công và giảm số lượng lao động trực tiếp.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoàn thiện và nâng cấp phần mềm kế toán, phần mềm quản lý công tác thu.
- Tiếp tục tập trung phát triển các hoạt động sản xuất mà Công ty đang có lợi thế như: Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp thông thường, xử lý phân bùn bể phốt; đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh như: phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ vệ sinh thu gom rác, chế phẩm sinh hóa xử lý môi trường.

# GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng;

Căn cứ Báo cáo tài chính phát hành ngày 29/03/2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán.

Theo Báo cáo Kiểm toán độc lập số 586/2023/BCKT-AAC ngày 29/03/2023 về nội dung cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, về vấn đề này Công ty giải thích ý kiến ngoại trừ như sau:

Khoản chi phí phạt vi phạm hành chính (với số tiền 1.170.000.000 đồng) hiện đang được Công ty ghi nhận vào khoản mục "Phải thu khác" nhưng không xác định được đối tượng thu hồi cụ thể.

Đối với khoản phạt vi phạm hành chính 1.170.000.000 đồng, đây là khoản tiền phạt hành vi vi phạm do sự kiện bất khả kháng và chưa xác định được đối tượng chịu trách nhiệm cụ thể. Công ty hạch toán vào khoản mục "Phải thu khác". Công ty đã trình HĐQT xem xét trách nhiệm của các cá nhân tập thể liên quan để xác định đối tượng chịu trách nhiệm và sẽ hạch toán lại theo đúng chuẩn mực kế toán.

Quỹ tiền lương năm 2022 đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2022 là 97.299.364.189 đồng. Theo quy định tại quy chế trả lương của Công ty và quy định về tiền lương đối với công ty có cổ phần chi phối của Nhà nước, thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương là Hội đồng quản trị, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, quỹ tiền lương năm 2022 này chưa được các đơn vị có thẩm quyền thông qua.

Vấn đề này, Công ty sẽ sớm trình Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân Thành phố để phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 và Công ty sẽ điều chỉnh sau khi có quyết định phê duyệt của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân Thành phố.



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị. Công ty luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến môi trường và trách nhiệm xã hội. Bảo vệ môi trường luôn được xem như một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty. Trong các cuộc họp, Ban Điều hành thường thảo luận và đưa ra các đề xuất nhằm tối ưu hóa công tác kinh doanh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, năng lượng, và các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường. Cùng với việc đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở, Công ty còn tổ chức phân loại chất thải tại khu vực văn phòng để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể cán bộ công nhân viên.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn coi trọng vai trò của con người trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp. Vì vậy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc luôn hợp tác chặt chẽ với công đoàn để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Công ty chú trọng đến việc cải thiện đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động, cùng với việc tạo mối quan hệ bền vững, đoàn kết trong Công ty. Đồng thời, Công ty cung cấp đầy đủ các chế độ và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng và bảo hộ lao động theo quy định của Nhà nước, cùng với việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn chú trọng đến các chính sách hỗ trợ địa phương như thăm hỏi gia đình khó khăn, hỗ trợ tài chính cho các học sinh nghèo hiếu học, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện và cố gắng hoàn thành tốt các dịch vụ mà Công ty trực tiếp và gián tiếp cung cấp cho cộng đồng. Những hoạt động này nhằm giúp đỡ, chia sẻ khó khăn với cộng đồng và tạo tiền đề cho phát triển kinh tế xã hội lâu dài và bền vững.





# 4

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 58

---

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của  
Ban Tổng Giám đốc Công ty 59

---

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 60

---

## ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	277.960	241.475	86,87%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.110	6.764	66,90%
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	21.373	14.893	69,68%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	%	5%	7%	-

Năm 2022, với kết quả kinh doanh không mấy thuận lợi và chi phí nhiên liệu tăng cao đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2022. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 241.475 triệu đồng hoàn thành 86,87% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 6.764 triệu đồng hoàn thành 66,90% kế hoạch. Trước những điều kiện không thuận lợi đó, năm 2022, Công ty đã phân phối lợi nhuận với tỷ lệ 7% trên mệnh giá cổ phiếu trong khi kế hoạch đề ra là 9%.

Là một doanh nghiệp thuộc lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty luôn tuân thủ Pháp luật về bảo vệ môi trường. Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tuyên truyền cho toàn thể cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức về tác động môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị, trong năm Công ty đã thực hiện các hoạt động tái cơ cấu tổ chức, tối ưu hóa bộ máy nhằm giảm thiểu chi phí. Từ đó mang lại giá trị cho cổ đông, nâng cao hơn chất lượng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



# CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Kế hoạch năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	289.251	280.772	300.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.627	13.371	15.376
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	22.519	21.787	22.787
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	%	9	11	11

### Một số giải pháp thực hiện định hướng

#### Về hoạt động cung cấp dịch vụ

Công ty tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động vệ sinh môi trường tại thành phố Đà Nẵng, bằng cách tăng cường đầu tư vào các thiết bị, công nghệ tiên tiến như xe vận chuyển rác thải và dần cơ giới hóa hoạt động thu gom. Đồng thời, Công ty sẽ tham gia tích cực vào các chương trình, dự án của thành phố Đà Nẵng nhằm nâng cao chất lượng môi trường và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường của cộng đồng.

#### Về công nợ

Thực hiện đầu tư thêm các tài sản cố định nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh như: xe chở rác, xe ép rác và các phần mềm phục vụ quản lý kinh doanh.

#### Về nhân sự

Gồm các khoản nợ phải trả nhà cung cấp nhiên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, phải trả UBND thành phố phần giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư; Công ty sẽ thanh toán đầy đủ và đúng thời gian.



T NAM QUANG VINH MUÔN N



# 5

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	64
Ban Kiểm soát	71
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	72



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Tại thời điểm 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu		Tỷ lệ sở hữu	
			Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	-	981.512	-	17,00%
2	Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc	3.900	981.512	0,068%	17,00%
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	3.300	981.512	0,057%	17,00%
4	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	391.406	-	6,780%	-
5	Ông Phan Công Tư	Thành viên HĐQT không điều hành	2.500	-	0,043%	-

## Danh sách thay đổi thành viên trong Hội đồng quản trị

Không có

## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025 đã tổ chức 05 cuộc họp thảo luận (ngày 29/3/2022; 24/6/2022; 15/9/2022, 21/12/2022 và 28/12/2022) nhằm triển khai, đánh giá các nội dung công việc theo Chương trình kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị năm 2022, Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các xem xét các vấn đề khác có liên quan đến tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh của Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
2	Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc	5/5	100%
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	5/5	100%
4	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	3/5	60%
5	Ông Phan Công Tư	Thành viên HĐQT không điều hành	5/5	100%



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Nghị quyết HĐQT trong năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
<b>A Nghị quyết</b>				
1	01/NQ-HĐQT	10/01/2022	Về việc bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ cán bộ	80%
2	02/NQ-HĐQT	29/3/2022	Về Phiên họp HĐQT ngày 29/3/2022	100%
3	03/NQ-HĐQT	29/3/2022	Về chủ trương triển khai thực hiện hợp tác kinh doanh Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	100%
4	04/NQ-HĐQT	25/4/2022	Về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	80%
5	05/NQ-HĐQT	03/6/2022	Về việc giải thể Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu	100%
6	06/NQ-HĐQT	24/6/2022	Về Phiên họp HĐQT ngày 24/6/2022	100%
7	07/NQ-ĐHĐCĐ	29/6/2022	(Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)	100%
8	08/NQ-HĐQT	22/7/2022	Về việc chi trả cổ tức năm 2021	80%
9	09/NQ-HĐQT	02/8/2022	Về việc điều chỉnh thời gian chốt danh sách cổ đông và trả cổ tức năm 2021	80%
10	10/NQ-HĐQT	15/8/2022	Về việc sáp nhập đơn vị trực thuộc Công ty	80%
11	11/NQ-HĐQT	15/8/2022	Về việc điều động, bổ nhiệm lãnh đạo quản lý	80%
12	12/NQ-HĐQT	15/9/2022	Về Phiên họp HĐQT ngày 15/9/2022	100%
13	13/NQ-HĐQT	20/9/2022	Về việc kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022	100%
14	14/NQ-HĐQT	20/12/2022	Về Phiên họp HĐQT ngày 20/12/2022	80%

15	15/NQ-HĐQT	28/12/2022	Về Phiên họp HĐQT ngày 28/12/2022	80%
<b>B Quyết định</b>				
1	01/QĐ-HĐQT	04/01/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Công trình: Xây dựng hệ thống phần mềm kế toán - phần mềm quản lý công tác thu	80%
2	02/QĐ-HĐQT	12/01/2022	Về việc phê duyệt chủ trương, hình thức mua sắm phương tiện, công cụ dụng cụ	80%
3	03/QĐ-HĐQT	14/01/2022	Về việc phê duyệt dự toán và đơn vị thực hiện cung cấp Gói thầu: Mua sắm sắm lớp phục vụ sản xuất quý I/2022 và Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022	80%
4	04/QĐ-HĐQT	14/01/2022	Về việc ban hành Quy định Kiểm tra, giám sát và thanh quyết toán đối với các đơn vị được giao khoán	80%
5	05/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Biosystem L2100CHV	80%
6	06/QĐ-HĐQT	21/01/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Gói thầu: Tháo dỡ và phủ bạt HDPE học rác số 1,3 tại bãi rác Khánh Sơn	80%
7	07/QĐ-HĐQT	24/01/2022	Về việc phê duyệt giá trị dự toán và đơn vị thực hiện Gói thầu: Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Biosystem L2100CHV phục vụ sản xuất quý I/2022 và Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022	80%
8	08/QĐ-HĐQT	18/02/2022	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng)	80%
9	09/QĐ-HĐQT	22/02/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Công trình: Lập trình phần mềm Trạm cân - Phần mềm quản lý điều vận phương tiện vận chuyển	80%
10	10/QĐ-HĐQT	22/02/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Gói thầu: Sửa chữa máy ủi D60-7	80%
11	11/QĐ-HĐQT	11/3/2022	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng Khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	100%
12	12/QĐ-HĐQT	16/3/2022	Về việc phê duyệt giá và dự toán mua sắm Gói thầu: Mua sắm 02 xe ô tô cuốn ép, chở rác loại 9,5m3 và 01 xe ô tô cuốn ép, chở rác loại 14m3	80%
13	13/QĐ-HĐQT	16/3/2022	Về việc phê duyệt Giá và dự toán mua sắm Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	80%
14	14/QĐ-HĐQT	24/3/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và HSMT Gói thầu: Mua sắm 02 xe ô tô cuốn ép, chở rác loại 9,5m3 và 01 xe ô tô cuốn ép, chở rác 14m3	80%

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

15	15/QĐ-HĐQT	24/3/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và HSMT Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	80%
16	16/QĐ-HĐQT	25/3/2022	Về việc phê duyệt kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng).	80%
17	17/QĐ-HĐQT	28/3/2022	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Biosystems L2100CHV	80%
18	18/QĐ-HĐQT	29/3/2022	Về việc phê duyệt số lượng, đơn giá và đơn vị thực hiện cung cấp sắm lớp phục vụ sản xuất kinh doanh Quý II, III/2022	80%
19	19/QĐ-HĐQT	27/5/2022	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng).	100%
20	20/QĐ-HĐQT	08/4/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch và Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Biosystems L2100CHV	80%
21	21/QĐ-HĐQT	25/4/2022	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	80%
22	22/QĐ-HĐQT	27/4/2022	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Biosystems L2100CHV	80%
18	18/QĐ-HĐQT	29/3/2022	Về việc phê duyệt số lượng, đơn giá và đơn vị thực hiện cung cấp sắm lớp phục vụ sản xuất kinh doanh Quý II, III/2022	80%
19	19/QĐ-HĐQT	27/5/2022	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng).	100%
20	20/QĐ-HĐQT	08/4/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch và Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Biosystems L2100CHV	80%
21	21/QĐ-HĐQT	25/4/2022	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	80%
22	22/QĐ-HĐQT	27/4/2022	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Biosystems L2100CHV	80%
28	28/QĐ-HĐQT	10/6/2022	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
29	29/QĐ-HĐQT	30/6/2022	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
30	30/QĐ-HĐQT	01/7/2022	Về việc phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm 10 xe ép rác 4m3 (1,5 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy và 4 xe ép rác 7m3 (3,0 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy	80%
31	31/QĐ-HĐQT	14/7/2022	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%

32	32/QĐ-HĐQT	20/7/2022	Về việc phê duyệt phương án thế chấp tài sản để vay vốn đầu tư dự án mua sắm 10 xe ép rác 4m3 (1,5 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy và 4 xe ép rác 7m3 (3,0 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy	80%
33	33/QĐ-HĐQT	26/7/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn. Hạng mục: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	80%
34	34/QĐ-HĐQT	26/7/2022	Về việc phê duyệt dự toán và đơn vị thực hiện Gói thầu: Sửa chữa xe 43C-028.75	80%
35	35/QĐ-HĐQT	27/7/2022	Về việc điều chỉnh thành viên Tổ triển khai dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	100%
36	36/QĐ-HĐQT	29/7/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và HSMT gói thầu: Mua sắm 10 xe ép rác 4m3 (1,5 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy và 4 xe ép rác 7m3 (3,0 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy	80%
37	37/QĐ-HĐQT	29/8/2022	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	80%
38	38/QĐ-HĐQT	12/9/2022	Về việc phê duyệt kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu: Mua sắm 10 xe ép rác 4m3 (1,5 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy và 4 xe ép rác 7m3 (3,0 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy	80%
39	39/QĐ-HĐQT	14/9/2022	Về việc chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Sửa chữa	80%
40	40/QĐ-HĐQT	14/9/2022	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp Vận chuyển	80%
41	41/QĐ-HĐQT	14/9/2022	Về việc điều chỉnh thành viên Tổ triển khai Dự án "Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn"	100%
42	42/QĐ-HĐQT	26/9/2022	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm 10 xe ép rác 4m3 (1,5 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy và 4 xe ép rác 7m3 (3,0 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy	80%
43	43/QĐ-HĐQT	07/10/2022	Về việc phê duyệt Dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	80%
44	44/QĐ-HĐQT	13/10/2022	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Gói thầu: Mua sắm 02 xe ô tô cuốn ép, chở rác loại 9,5 m3 và 01 xe ô tô cuốn ép, chở rác loại 14m3	80%
45	45/QĐ-HĐQT	14/10/2022	Về việc phê duyệt Giá trị khởi điểm và phương thức thực hiện thanh lý tài sản Hệ thống lò đốt chất thải nguy hại và nhà xưởng đã qua sử dụng	80%
46	46/QĐ-HĐQT	14/10/2022	Về việc ban hành định mức nhiên liệu, đơn giá nhân công "Công tác quét đường bằng cơ giới"	80%
47	47/QĐ-HĐQT	22/11/2022	Về việc thành lập Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường	80%

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

48	48/QĐ-HĐQT	22/11/2022	Về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường	80%
49	49/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	80%
50	50/QĐ-HĐQT	12/12/2022	Về việc phê duyệt Dự trữ số lượng mua sắm và kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm bảo hộ lao động năm 2023	80%
51	51/QĐ-HĐQT	16/12/2022	Về việc số lượng, giá trị dự toán và hình thức mua sắm phương tiện, công cụ dụng cụ	80%
52	52/QĐ-HĐQT	20/12/2022	Về việc thành lập Chi nhánh Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường – Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	80%
53	53/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường	80%
54	54/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm Kinh doanh và Tư vấn công nghệ môi trường	80%
55	55/QĐ-HĐQT	29/12/2022	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Tư vấn quản lý dự án. Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	80%

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

### Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có



## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Tính tại thời điểm 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu		Tỷ lệ sở hữu	
			Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
1	Bà Võ Thị Mận	Trưởng Ban kiểm soát	2.900	-	0,05%	-
2	Ông Thái Quốc Khánh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-
3	Bà Lê Thị Hồng Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-
4	Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-

### Danh sách thay đổi thành viên BKS

Không có

### Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông:

- Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2022, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua. Kiểm soát công tác tài chính, thẩm định BCTC hàng quý. Ban kiểm soát đã thường xuyên được tiếp cận các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT cũng như Ban điều hành, nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban của Công ty.
- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng quy định và Điều lệ Công ty. Đã ban hành các Nghị quyết và các quyết định chỉ đạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư mua sắm, xây dựng cơ bản.
- Ban Giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, mua sắm phương tiện thiết bị, tập trung nguồn lực triển khai cho công tác đấu thầu dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị tại các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.
- Công ty thực hiện công bố thông tin công khai, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định pháp luật.

### Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm 2022, các cuộc họp của HĐQT đều mời các thành viên trong Ban kiểm soát tham dự. Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định cho Ban kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chuyên môn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo, chứng từ, ... phục vụ cho công tác giám sát kiểm tra của Ban kiểm soát và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ Công ty.

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

## Lương, thưởng, thù lao & các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<b>I Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>					
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	332.690.909	324.000.000	
2	Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	312.000.000	300.000.000	
3	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	55.200.000	52.800.000	
4	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	159.272.727	276.000.000	
5	Ông Phan Công Tư	Thành viên HĐQT	30.527.273	52.800.000	
6	Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	237.636.364	228.000.000	
7	Ông Nguyễn Đăng Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	103.168.436	Bổ nhiệm ngày 11/07/2022
8	Ông Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc	260.545.455	76.000.000	Miễn nhiệm ngày 01/05/2022
<b>II Ban kiểm soát</b>					
1	Bà Võ Thị Mận		156.436.363	273.497.310	
2	Ông Thái Quốc Khánh		30.527.273	26.400.000	Miễn nhiệm ngày 29/06/2022
3	Bà Lê Thị Hồng Thủy		30.527.273	52.800.000	
4	Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân		-	26.400.000	Bổ nhiệm ngày 29/06/2022

**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không có

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không phát sinh

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty năm 2022:

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ để đảm bảo hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ của Công ty diễn ra bình thường. DNE tập trung vào mục tiêu tối đa hóa lợi ích cho Công ty và cổ đông, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động kinh doanh và quản trị của Công ty nhằm sử dụng tối đa nguồn lực và hoạt động hiệu quả hơn.





# 6

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã kiểm toán

76



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG  
ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**  
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 32

Đ ★ M.S.D.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 điều chỉnh lần 2 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên hệ thống Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2022: 57.736.000.000 đồng

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có 10 đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê;
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu;
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Xí nghiệp kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường;

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3622007
- Fax : (84) 0236.3642423
- Website: moitruongdothidanang.com.vn

### Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyên gia công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2022 là 1.131 người. Trong đó viên chức quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                          |            |                              |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Thanh Phúc    | Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Ông Võ Minh Đức        | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Ông Nguyễn Văn Tuấn    | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/06/2021     |
| • Ông Phan Công Tư       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/06/2021     |



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Kiểm soát

• Bà Võ Thị Mận	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
• Bà Lê Thị Hồng Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
• Huỳnh Thị Thanh Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2022
• Ông Thái Quốc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/06/2021 Miễn nhiệm ngày 29/6/2022

### Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

• Ông Võ Minh Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/12/2018
• Ông Nguyễn Đăng Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/07/2022
• Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/07/2019
• Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
• Ông Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/01/2016 Miễn nhiệm ngày 01/05/2022
• Ông Diệp Nguyễn Thế Quang	Phụ trách Kế toán	Bổ nhiệm ngày 14/06/2021

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Võ Minh Đức – Tổng Giám đốc đã ủy quyền cho Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu – Phó Tổng Giám đốc Công ty ký Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 148/UQ-MTDT ký ngày 27/03/2023. Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 28/03/2023 đến hết ngày 05/04/2023.

Phó Tổng Giám đốc  
  
Hoàng Thị Ngọc Hiếu

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2023



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 586/2023/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 29/03/2023 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại mục (ii) của Thuyết minh 9, chi phí phạt vi phạm hành chính (số tiền 1.170.000.000 đồng) hiện đang được Công ty ghi nhận tại khoản mục "Phải thu khác" nhưng không xác định được đối tượng thu hồi cụ thể. Việc ghi nhận một khoản phải thu nhưng không có đối tượng nợ là chưa đúng với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Theo quy định, chi phí phạt vi phạm hành chính, nếu không thể thu lại được từ cá nhân/tập thể liên quan thì cần ghi nhận vào chi phí của kỳ phát sinh khoản phạt đó.

2. Như trình bày tại Thuyết minh 17, quỹ tiền lương năm 2022 đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2022 là 97.299.364.189 đồng. Theo quy định tại Quy chế trả lương của Công ty và quy định về tiền lương đối với công ty có cổ phần chi phối của Nhà nước, thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương là Hội đồng Quản trị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, quỹ lương năm 2022 này chưa được các đơn vị có thẩm quyền thông qua. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của tổng chi phí tiền lương đã phản ánh vào kết quả kinh doanh năm 2022 với số tiền nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác liên quan.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty có giá trị âm (tại ngày 31/12/2022 âm 1.188.860.611 đồng, tại ngày 01/01/2022 âm 1.251.014.197 đồng). Việc chi các quỹ vượt quá nguồn hiện có là không phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1  
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

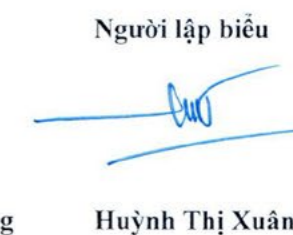
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>77.498.067.560</b>	<b>99.217.054.427</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13.755.326.915</b>	<b>23.637.949.191</b>
1. Tiền	111		9.423.326.915	14.637.949.191
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.332.000.000	9.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.181.148.247</b>	<b>12.359.266.200</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	12.181.148.247	12.359.266.200
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>44.573.528.682</b>	<b>57.957.988.774</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	31.614.623.064	50.083.880.940
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.783.334.994	962.151.250
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	9.120.640.068	6.857.026.028
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.930.556	54.930.556
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>3.214.170.736</b>	<b>2.311.078.839</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.214.170.736	2.311.078.839
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.773.892.980</b>	<b>2.950.771.423</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	3.481.824.950	2.595.070.260
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	292.068.030	355.701.163
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.385.345.307</b>	<b>57.874.042.980</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.105.640.310</b>	<b>1.417.014.543</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	1.105.640.310	1.417.014.543
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.260.063.651</b>	<b>48.306.244.547</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	48.380.522.165	47.596.480.884
- Nguyên giá	222		177.211.491.422	173.810.090.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.830.969.257)	(126.213.609.561)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	879.541.486	709.763.663
- Nguyên giá	228		1.136.220.000	841.520.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(256.678.514)	(131.756.337)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17.863.179.993</b>	<b>2.136.290.120</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	17.863.179.993	2.136.290.120
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>46.419.906</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	46.419.906
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.156.461.353</b>	<b>5.968.073.864</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	5.156.461.353	5.968.073.864
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>150.883.412.867</b>	<b>157.091.097.407</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.735.434.111</b>	<b>80.556.563.881</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.414.815.924</b>	<b>69.313.529.068</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	21.183.389.912	11.684.983.910
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		291.060.152	463.365.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.716.889.711	5.251.234.091
4. Phải trả người lao động	314	17	8.178.565.967	14.844.998.771
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.169.116.520	9.187.666.022
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	31.760.754.273	29.132.295.332
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	303.900.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	(1.188.860.611)	(1.251.014.197)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.320.618.187</b>	<b>11.243.034.813</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	7.483.318.187	11.243.034.813
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	2.837.300.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>75.147.978.756</b>	<b>76.534.533.526</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>75.019.678.756</b>	<b>76.431.233.526</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	12.551.640.388	9.421.348.308
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	4.732.038.368	9.273.885.218
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.160.421.714)	(1.460.421.714)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.892.460.082	10.734.306.932
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>128.300.000</b>	<b>103.300.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	23	128.300.000	103.300.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>150.883.412.867</b>	<b>157.091.097.407</b>

Phó Tổng Giám đốc  
  
Hoàng Thị Ngọc Hiếu  
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách kế toán  
  
Diệp Nguyễn Thế Quang

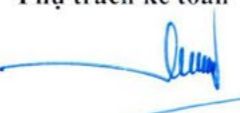
Người lập biểu  
  
Huỳnh Thị Xuân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	240.049.407.744	254.578.699.126
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		240.049.407.744	254.578.699.126
4. Giá vốn hàng bán	11	26	220.711.498.805	230.219.930.294
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>19.337.908.939</b>	<b>24.358.768.832</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	893.675.868	944.803.270
7. Chi phí tài chính	22		38.038.000	7.500
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.038.000	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	13.959.463.053	13.019.227.548
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.234.083.754</b>	<b>12.284.337.054</b>
11. Thu nhập khác	31	29	532.092.824	505.781.764
12. Chi phí khác	32	30	2.270.965	728.230.173
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>529.821.859</b>	<b>(222.448.409)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.763.905.613</b>	<b>12.061.888.645</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	871.445.531	1.327.581.713
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>5.892.460.082</b>	<b>10.734.306.932</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.021	1.294
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.021	1.294

Phó Tổng Giám đốc  
  
Hoàng Thị Ngọc Hiếu  
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách kế toán  
  
Diệp Nguyễn Thế Quang


Người lập biểu  
  
Huỳnh Thị Xuân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>6.763.905.613</b>	<b>12.061.888.645</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12, 13	9.913.706.053	10.602.184.083
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27, 29	(1.352.162.363)	(505.701.657)
- Chi phí lãi vay	06		38.038.000	-
<b>3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>15.363.487.303</b>	<b>22.158.371.071</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.398.423.199	(11.012.899.099)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(903.091.897)	(705.375.565)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.662.956.229)	(2.583.233.127)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(75.142.179)	2.220.754.524
- Tiền lãi vay đã trả	14		(38.038.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(925.000.000)	(1.594.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		208.000.000	364.550.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.383.341.266)	(3.425.481.348)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.982.340.931</b>	<b>5.422.686.456</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(13.574.771.763)	(2.891.977.060)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		475.029.630	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		224.537.859	500.843.771
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 27	908.855.127	1.064.918.417
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.966.349.147)</b>	<b>(1.326.214.872)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	3.141.200.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,22	(4.039.814.060)	(5.067.313.171)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(898.614.060)</b>	<b>(5.067.313.171)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(9.882.622.276)</b>	<b>(970.841.587)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	23.637.949.191	24.608.790.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>13.755.326.915</b>	<b>23.637.949.191</b>

Phó Tổng Giám đốc  
  
Hoàng Thị Ngọc Hiếu  
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách kế toán  
  
Diệp Nguyễn Thế Quang

Người lập biểu  
  
Huỳnh Thị Xuân

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 điều chỉnh lần 2 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên hệ thống Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 10 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ, gồm:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê;
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu;
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Xí nghiệp kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 35
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 9

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm kế toán	8

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

### 4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.16 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải: Áp dụng mức thuế suất 10%.  
Giai đoạn từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022, Công ty áp dụng thuế suất 8% căn cứ theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ.
  - ✓ Các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng mức thuế suất 10%.
  - ✓ Các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

**4.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	193.947.479	69.020.927
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.229.379.436	14.568.928.264
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	4.332.000.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.755.326.915</b>	<b>23.637.949.191</b>

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	12.181.148.247	12.181.148.247	12.359.266.200	12.359.266.200
<b>Cộng</b>	<b>12.181.148.247</b>	<b>12.181.148.247</b>	<b>12.359.266.200</b>	<b>12.359.266.200</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2022	01/01/2022
Sở Tài nguyên Môi trường TP Đà Nẵng	4.705.855.791	9.928.800.791
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng	20.291.858.030	28.881.048.368
Các khách hàng dịch vụ	5.933.315.938	9.107.318.759
Các khách hàng công ích	683.593.305	2.166.713.022
<b>Cộng</b>	<b>31.614.623.064</b>	<b>50.083.880.940</b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Thương mại Xây dựng vận tải Trí Đại Phát	1.496.216.340	-
Công ty TNHH MTV Anh Thiện Mỹ	604.756.389	-
Công ty TNHH Vĩnh Xuân Phát	1.034.467.769	-
Công ty TNHH Xây dựng Môi trường Thiên Phú	-	209.935.000
Các đối tượng khác	647.894.496	752.216.250
<b>Cộng</b>	<b>3.783.334.994</b>	<b>962.151.250</b>

**9. Phải thu khác**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	343.649.583	-	358.828.842	-
Tạm ứng	6.328.448.500	-	4.352.873.725	-
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm CP của BKS (i)	455.765.897	-	580.487.448	-
Tiền phạt vi phạm hành chính (ii)	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-
Phải thu khác	822.776.088	-	394.836.013	-
<b>Cộng</b>	<b>9.120.640.068</b>	<b>-</b>	<b>6.857.026.028</b>	<b>-</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2022		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm CP của BKS (i)	1.105.640.310	-	1.417.014.543	-
<b>Cộng</b>	<b>1.105.640.310</b>	<b>-</b>	<b>1.417.014.543</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- (i) Là khoản phải thu các cá nhân có liên quan đến các khoản chi phí bị xuất toán năm 2016 tương ứng khối lượng, đơn giá, định mức bị giảm trừ theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và các khoản chi phí khoản dịch vụ năm 2016 bị xuất toán tương ứng khối lượng bị giảm trừ theo kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát.
- (ii) Là khoản phạt vi phạm hành chính về môi trường. Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án đưa khoản phạt này vào chi phí từ năm 2023 đến năm 2026 và loại trừ khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 28/12/2022.

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	687.657.655	-	413.491.044	-
Công cụ, dụng cụ	788.143.312	-	1.018.965.613	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.738.369.769	-	878.622.182	-
<b>Cộng</b>	<b>3.214.170.736</b>	<b>-</b>	<b>2.311.078.839</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.

**11. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí sửa chữa	1.724.590.334	1.236.180.138
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.481.920.200	1.305.532.120
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê nhà đất, khoản khác	275.314.416	53.358.002
<b>Cộng</b>	<b>3.481.824.950</b>	<b>2.595.070.260</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí sửa chữa	2.634.746.968	3.406.681.836
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.412.462.618	1.346.766.468
Các khoản khác	1.109.251.767	1.214.625.560
<b>Cộng</b>	<b>5.156.461.353</b>	<b>5.968.073.864</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	82.821.706.907	3.139.700.606	86.803.004.379	1.045.678.553	173.810.090.445
Mua sắm trong năm	-	182.180.000	10.003.902.150	-	10.186.082.150
Đ/tư XD/CB h/thành	-	-	403.286.142	-	403.286.142
Giảm trong năm	2.438.095.088	18.730.125	4.731.142.102	-	7.187.967.315
<b>Số cuối năm</b>	<b>80.383.611.819</b>	<b>3.303.150.481</b>	<b>92.479.050.569</b>	<b>1.045.678.553</b>	<b>177.211.491.422</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	64.981.084.435	2.838.577.976	57.790.584.550	603.362.600	126.213.609.561
Khấu hao trong năm	4.264.183.709	186.815.590	5.152.940.981	184.843.596	9.788.783.876
Giảm trong năm	2.421.551.953	18.730.125	4.731.142.102	-	7.171.424.180
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.823.716.191</b>	<b>3.006.663.441</b>	<b>58.212.383.429</b>	<b>788.206.196</b>	<b>128.830.969.257</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	17.840.622.472	301.122.630	29.012.419.829	442.315.953	47.596.480.884
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.559.895.628</b>	<b>296.487.040</b>	<b>34.266.667.140</b>	<b>257.472.357</b>	<b>48.380.522.165</b>

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 57.244.415.556 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 6.094.515.342 đồng.

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	841.520.000	841.520.000
Mua trong năm	294.700.000	294.700.000
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.136.220.000</b>	<b>1.136.220.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	131.756.337	131.756.337
Khấu hao trong năm	124.922.177	124.922.177
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>256.678.514</b>	<b>256.678.514</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	709.763.663	709.763.663
<b>Số cuối năm</b>	<b>879.541.486</b>	<b>879.541.486</b>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 123.000.000 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí mua sắm TSCĐ	14.673.298.316	-
Hệ thống xử lý nước thải	786.602.728	786.602.728
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	2.403.278.949	1.349.687.392
<b>Cộng</b>	<b>17.863.179.993</b>	<b>2.136.290.120</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Vận tải Thương mại xây dựng Công nghiệp Đức Long	4.284.800.000	-
TCT Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	8.280.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Công nghệ môi trường Toàn Cầu	4.640.452.290	-
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - CN Miền Trung	-	4.451.109.580
Các đối tượng khác	3.978.137.622	7.233.874.330
<b>Cộng</b>	<b>21.183.389.912</b>	<b>11.684.983.910</b>

**16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	4.329.979.521	9.197.876.287	12.539.328.782	-	988.527.026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	781.452.034	871.445.531	925.000.000	-	727.897.565
Thuế thu nhập cá nhân	13.302.485	-	316.943.677	323.467.531	19.826.339	-
Thuế tài nguyên	-	559.600	6.792.480	6.886.960	-	465.120
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	342.398.678	-	987.940.053	916.661.527	271.120.152	-
Các loại thuế khác	-	-	16.000.000	16.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	139.242.936	25.785.031	166.149.506	1.121.539	-
<b>Cộng</b>	<b>355.701.163</b>	<b>5.251.234.091</b>	<b>11.422.783.059</b>	<b>14.893.494.306</b>	<b>292.068.030</b>	<b>1.716.889.711</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**17. Phải trả người lao động**

Theo Văn bản số 897/UBND-SLĐBHXH ngày 03/03/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc xác định quỹ tiền lương người lao động, quỹ tiền lương thù lao người quản lý của Công ty CP Môi Trường Đô thị, thì Quỹ lương kế hoạch năm 2022 của Công ty được duyệt như sau:

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của người lao động	95.203.110.428 đồng
- Quỹ lương người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách	2.071.200.000 đồng
<b>Tổng</b>	<b>97.274.310.428 đồng</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện quỹ lương năm 2022, cụ thể như sau:

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của người lao động	95.507.498.443 đồng
- Quỹ lương người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách	1.791.865.746 đồng
<b>Tổng</b>	<b>97.299.364.189 đồng</b>

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ	3.085.934.702	9.104.484.204
Các khoản trích trước khác	83.181.818	83.181.818
<b>Cộng</b>	<b>3.169.116.520</b>	<b>9.187.666.022</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	394.474.522	409.937.928
Phải trả về cổ phần hóa (*)	3.642.487.363	3.642.487.363
Cổ tức phải trả	178.214.967	176.509.027
UBND Thành phố Đà Nẵng (*)	22.547.179.744	18.805.520.652
Phải trả khác	4.998.397.677	6.097.840.362
<b>Cộng</b>	<b>31.760.754.273</b>	<b>29.132.295.332</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
UBND Thành phố Đà Nẵng (*)	7.483.318.187	11.243.034.813
<b>Cộng</b>	<b>7.483.318.187</b>	<b>11.243.034.813</b>

(\*) Là các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa và giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư phải trả lại cho UBND Thành phố Đà Nẵng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	-	303.900.000	-	303.900.000
- Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng (*)	-	303.900.000	-	303.900.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>303.900.000</b>	<b>-</b>	<b>303.900.000</b>

**b. Dài hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	-	3.141.200.000	-	3.141.200.000
- Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng (*)	-	3.141.200.000	-	3.141.200.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.141.200.000</b>	<b>-</b>	<b>3.141.200.000</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	303.900.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.837.300.000</b>

(\*) Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 14/2022/HĐTD ngày 18/10/2022 để mua 14 xe ép rác. Thời hạn vay là 96 tháng tính từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay là 6,5%/năm và được điều chỉnh tại các phụ lục Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng vay được thế chấp bằng 5 xe ép rác hiện có và 14 xe ép rác hình thành từ vốn vay, quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 37/2022.HĐTC ngày 20/10/2022.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số thực chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.396.980.995)	3.100.494.852	2.964.341.266	(1.260.827.409)
Quỹ thưởng Ban điều hành	145.966.798	162.000.000	236.000.000	71.966.798
<b>Cộng</b>	<b>(1.251.014.197)</b>	<b>3.262.494.852</b>	<b>3.200.341.266</b>	<b>(1.188.860.611)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	57.736.000.000	7.101.660.899	10.381.015.330	75.218.676.229
Tăng trong năm	-	2.319.687.409	10.734.306.932	13.053.994.341
Giảm trong năm	-	-	11.841.437.044	11.841.437.044
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>9.421.348.308</b>	<b>9.273.885.218</b>	<b>76.431.233.526</b>
Số dư tại 01/01/2022	57.736.000.000	9.421.348.308	9.273.885.218	76.431.233.526
Tăng trong năm	-	3.130.292.080	5.892.460.082	9.022.752.162
Giảm trong năm	-	-	10.434.306.932	10.434.306.932
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>12.551.640.388</b>	<b>4.732.038.368</b>	<b>75.019.678.756</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	29.445.360.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam	7.719.870.000	7.719.870.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.914.060.000	3.914.060.000
Các cổ đông khác	16.656.710.000	16.656.710.000
<b>Cộng</b>	<b>57.736.000.000</b>	<b>57.736.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.273.885.218	10.381.015.330
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	5.892.460.082	10.734.306.932
Phân phối lợi nhuận	10.434.306.932	11.841.437.044
- Phân phối lợi nhuận năm trước	10.434.306.932	11.841.437.044
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	3.130.292.080	2.319.687.409
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	162.000.000	243.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.100.494.852	4.371.189.635
+ Chia cổ tức	4.041.520.000	4.907.560.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>4.732.038.368</b>	<b>9.273.885.218</b>

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2022.

**e. Cổ tức**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2022 của Công ty, cổ tức năm 2021 được trả bằng tiền với tỷ lệ 7% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã thông báo ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức bằng tiền vào ngày 24/08/2022 và thời gian thực hiện ngày 20/09/2022.

**23. Nguồn kinh phí**

	31/12/2022	01/01/2022
Nguồn kinh phí kỳ trước chuyển sang	103.300.000	37.100.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	208.000.000	364.550.000
Chi sự nghiệp	183.000.000	298.350.000
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>128.300.000</b>	<b>103.300.000</b>

**24. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Tên tài sản	Số lượng
Công trình Đóng cửa bãi rác Khánh Sơn	1
Nhà vệ sinh đông cầu Sông Hàn	1
Nhà vệ sinh góc đường Yên Bái và Nguyễn Thái Học	1
Nhà vệ sinh Công viên Bạch Đằng Đông	1
Nhà vệ sinh Trung tâm Hội chợ triển lãm	1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	91.855.845.894	85.389.683.649
Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước	119.346.717.888	128.849.301.546
Doanh thu dịch vụ thu gom rác thải y tế, công nghiệp, xử lý bùn...	28.812.173.087	40.269.895.746
Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	34.670.875	69.818.185
<b>Cộng</b>	<b>240.049.407.744</b>	<b>254.578.699.126</b>

**26. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	220.687.862.439	230.174.437.079
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.636.366	45.493.215
<b>Cộng</b>	<b>220.711.498.805</b>	<b>230.219.930.294</b>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi	893.675.868	944.803.270
<b>Cộng</b>	<b>893.675.868</b>	<b>944.803.270</b>

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	6.104.944.387	6.625.866.209
Chi phí vật liệu quản lý	630.144.798	402.754.596
Chi phí đồ dùng văn phòng	764.977.130	453.978.227
Chi phí khấu hao TSCĐ	428.126.992	305.846.838
Thuế, phí và lệ phí	580.730.741	459.132.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.552.463.662	4.137.486.195
Chi phí bằng tiền khác	898.075.343	634.162.764
<b>Cộng</b>	<b>13.959.463.053</b>	<b>13.019.227.548</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. Thu nhập khác**

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	458.486.495	-
Tiền thanh lý công cụ dụng cụ	67.819.445	139.130.000
Thu tiền bồi thường tổn thất	-	366.651.764
Các khoản khác	5.786.884	-
<b>Cộng</b>	<b>532.092.824</b>	<b>505.781.764</b>

**30. Chi phí khác**

	Năm 2022	Năm 2021
Lỗ hoàn trả mặt bằng trạm trung chuyển rác thải Lê Thanh Nghị	-	439.101.613
Tiền phạt chậm nộp thuế	11.235.374	-
Chi phí khác phục tổn thất	(44.001.076)	216.620.249
Chi phí khác	35.036.667	72.508.311
<b>Cộng</b>	<b>2.270.965</b>	<b>728.230.173</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.763.905.613	12.061.888.645
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	5.309.691.898	11.390.993.427
- Từ hoạt động khác	1.454.213.715	670.895.218
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	496.335.982	584.881.155
- Điều chỉnh tăng	496.335.982	584.881.155
+ Phạt vi phạm hành chính	11.235.374	33.503.291
+ Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	211.200.000	220.800.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	273.900.608	330.577.864
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	7.260.241.595	12.646.769.800
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	5.806.027.880	11.975.874.582
- Từ hoạt động khác	1.454.213.715	670.895.218
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>871.445.531</b>	<b>1.327.581.713</b>

**Trong đó:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	871.445.531	1.331.766.502
- Chi phí thuế TNDN truy thu của Xi nghiệp dịch vụ môi trường	-	(4.184.789)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.892.460.082	10.734.306.932
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(3.262.494.852)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	3.262.494.852
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.892.460.082	7.471.812.080
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.773.600	5.773.600
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.021</b>	<b>1.294</b>

- Chi tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được điều chỉnh do tính trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích năm 2021 là 3.262.494.852 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/06/2022.
- Chi tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chi tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.097.647.581	33.975.521.959
Chi phí nhân công	124.999.942.521	135.500.086.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.913.706.053	10.602.184.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.376.847.145	61.057.850.764
Chi phí khác bằng tiền	3.118.929.779	2.058.021.611
<b>Cộng</b>	<b>235.507.073.079</b>	<b>243.193.664.627</b>

**34. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải và trong khu vực địa lý chủ yếu là thành phố Đà Nẵng.

**35. Quản lý rủi ro**

**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### Quản lý rủi ro về giá

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường đô thị nên chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí nhân công và các chi phí vật tư, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài khác. Đối với chi phí nhân công, Công ty xây dựng quỹ tiền lương theo qui định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 áp dụng cho các Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Đối với vật tư, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài khác, Công ty tham khảo giá của nhiều nhà cung cấp để đảm bảo giá mua là hợp lý. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Các khách hàng chính của Công ty đến từ số đông người dân, doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng dịch vụ, do tính thiết yếu của dịch vụ nên tiền dịch vụ các khách hàng này được thanh toán kịp thời, đầy đủ; Các khách hàng là Cơ quan nhà nước (như: Sở Tài nguyên & Môi trường và các Quận, Huyện, Thành phố) thanh toán gói đầu bằng nguồn vốn Ngân sách. Ngoài ra đối với các khách hàng khác (thu gom chất thải công nghiệp, xử lý bùn,...), Công ty thường tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính, có hợp đồng ràng buộc chặt chẽ về tiến độ thanh toán gắn với khối lượng công việc thực hiện; luôn theo dõi, đối chiếu thông tin về công nợ để kịp thời đôn đốc, triển khai các biện pháp thu nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	21.183.389.912	-	21.183.389.912
Chi phí phải trả	3.169.116.520	-	3.169.116.520
Vay và nợ thuê tài chính	303.900.000	2.837.300.000	3.141.200.000
Phải trả khác	5.176.612.644	-	5.176.612.644
<b>Cộng</b>	<b>29.833.019.076</b>	<b>2.837.300.000</b>	<b>32.670.319.076</b>

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.684.983.910	-	11.684.983.910
Chi phí phải trả	9.187.666.022	-	9.187.666.022
Phải trả khác	6.274.349.389	-	6.274.349.389
<b>Cộng</b>	<b>27.146.999.321</b>	<b>-</b>	<b>27.146.999.321</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.755.326.915	-	13.755.326.915
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.181.148.247	-	12.181.148.247
Phải thu khách hàng	31.614.623.064	-	31.614.623.064
Phải thu khác	1.166.425.671	-	1.166.425.671
<b>Cộng</b>	<b>58.717.523.897</b>	<b>-</b>	<b>58.717.523.897</b>

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.637.949.191	-	23.637.949.191
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.359.266.200	46.419.906	12.405.686.106
Phải thu khách hàng	50.083.880.940	-	50.083.880.940
Phải thu khác	753.664.855	-	753.664.855
<b>Cộng</b>	<b>86.834.761.186</b>	<b>46.419.906</b>	<b>86.881.181.092</b>

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
UBND Thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, Huyện, sở ban ngành)	Cổ đông lớn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong niên độ kế toán**

Giao dịch		Năm 2022	Năm 2021
UBND Thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, Huyện, sở ban ngành)	Thu gom rác theo đơn đặt hàng	119.346.717.888	128.849.301.546

**c. Số dư với các bên liên quan**

Khoản mục		31/12/2022	01/01/2022
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	20.291.858.030	28.881.048.368
	Phải trả khác	30.030.497.931	30.048.555.465

**d. Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2022	Năm 2021
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Phạm Thanh Phúc	Lương, thưởng	324.000.000	332.690.909
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thù lao HĐQT	52.800.000	55.200.000
Ông Phan Công Tư	Thù lao HĐQT	52.800.000	30.527.273
<b>Ban kiểm soát</b>			
Võ Thị Mận	Lương, thưởng	273.497.310	156.436.363
Thái Quốc Khánh	Thù lao BKS	26.400.000	30.527.273
Lê Thị Hồng Thủy	Thù lao BKS	52.800.000	30.527.273
Huỳnh Thị Thanh Nhân	Thù lao BKS	26.400.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Võ Minh Đức	Lương, thưởng	300.000.000	312.000.000
Ông Phạm Quang Sáng	Lương, thưởng	76.000.000	260.545.455
Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Lương, thưởng	228.000.000	237.636.364
Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Lương, thưởng	276.000.000	159.272.727
Ông Nguyễn Đăng Huy	Lương, thưởng	103.168.436	-

0400100  
CÔNG  
T.N.H.  
TOÁN VÀ KI  
AAC  
HÀU - TP.Đ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**37. Cam kết thuê hoạt động đối với đất thuê**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng (bên liên quan) với các hợp đồng như sau:

Hợp đồng số	Diện tích đất thuê (m2)	Vị trí	Mục đích thuê	Giá thuê (đồng/m2/năm)	Phương thức nộp
46/HĐTĐ ngày 24/12/2012	2.123,7	469 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	323.359	Nộp tiền hằng năm
47/HĐTĐ ngày 24/12/2012	2.437,6	471 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	320.627	Nộp tiền hằng năm
06/HĐTĐ ngày 15/06/2020	783,2	Đường Trần Nhân Tông, Sơn Trà, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Sơn Trà	312.720	Nộp tiền hằng năm
05/HĐTĐ ngày 15/06/2020	249,9	Đường Ấp Bắc, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Ngũ Hành Sơn	89.980	Nộp tiền hằng năm
04/HĐTĐ ngày 15/06/2020	201,4	Đường Trà Na 2, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Liên Chiểu	62.280	Nộp tiền hằng năm
03/HĐTĐ ngày 15/06/2020	81,0	Đường Đinh Núp, Thanh Khê, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Thanh Khê	171.340	Nộp tiền hằng năm
02/HĐTĐ ngày 15/06/2020	44,7	Đường Bạch Đằng, Hải Châu, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Hải Châu	4.742.400	Nộp tiền hằng năm

**38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**39. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.

0400100  
CÔNG  
T.N.H.  
TOÁN VÀ KI  
AAC  
HÀU - TP.Đ

Phó Tổng Giám đốc  
  
Hoàng Thị Ngọc Hiếu  
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách kế toán



Diệp Nguyễn Thế Quang

Người lập biểu



Huỳnh Thị Xuân

0400100  
CÔNG  
T.N.H.  
TOÁN VÀ KI  
AAC  
HÀU - TP.Đ



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

*Đà Nẵng, ngày 19 tháng 04 năm 2023*

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC

  
Võ Minh Đức





## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

[www.moitruongdothidanang.com.vn](http://www.moitruongdothidanang.com.vn)

Điện thoại: (0236) 3622 007